

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thuyết minh và số liệu Quyết toán thu – chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí thu khác Năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ .

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Đức Giang

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai thuyết minh và số liệu quyết toán thu – chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác năm 2024 theo biểu số 04 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

Thời gian công khai: 12/03/2025 đến 12/06/2025.

Hình thức công khai: Niêm yết tại Phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang và đăng trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3: Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bảng tin thông báo(để niêm yết)
- Lưu hồ sơ CK

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Soan

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai thuyết minh và số liệu
quyết toán thu- chi ngân sách và các khoản thu học phí, thu khác
Năm 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán NS, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ .

Căn cứ quyết định số 08/QĐ-THCSĐG ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Trường THCS Đức Giang về việc niêm yết công khai thuyết minh và số liệu quyết toán thu- chi ngân sách và các khoản thu học phí, thu khác tại đơn vị năm 2024.

Trường THCS Đức Giang thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung:

Công khai thuyết minh và số liệu quyết toán thu - chi ngân sách và các khoản thu học phí, thu khác tại đơn vị năm 2024 theo mẫu số 04 Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 12/03/2025 đến ngày 12/06/2025

3. Địa điểm niêm yết: Bảng tin Phòng Hội đồng , cổng thông tin điện tử trường THCS Đức Giang.

4. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Ban giám hiệu, kế toán, TB TTND, công khai tới toàn thể CBGVNV .

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 12/03/2025 đến ngày 12/06/2025

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường: c2ducgiang@longbien.edu.vn

7. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Chậm nhất là ngày 12/06/2025.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Soan

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

**Thuyết minh và số liệu quyết toán thu – chi ngân sách và các khoản thu học phí, thu khác
Năm 2024**

Căn cứ Quyết định số ...01./QĐ-THCSĐG ngày 12/03/2025 của Trường THCS Đức Giang về việc công bố công khai Quyết toán thu – chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác năm 2024.

Hôm nay, vào hồi 08h 00 ngày 12 tháng 03 năm 2025, tại phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang

1. Thành phần gồm có:

- | | |
|---------------------------|---|
| - Bà Nguyễn Thị Soan | Chức vụ: Hiệu trưởng- Người chịu trách nhiệm công khai |
| - Bà: Phạm Thị Bích Hồng | Chức vụ: Trưởng ban thanh tra ND- Người chịu trách nhiệm CK |
| - Bà: Nguyễn Thị Vân Anh | Chức vụ: Thư ký HĐ- Người lập biên bản niêm yết công khai |
| - Bà: Nguyễn Thị Hồng Hải | Chức vụ: Kế toán- Người chịu trách nhiệm niêm yết |

2. Với sự chứng kiến của:

Đ/c: Đàm Thị Tuyết- GV môn Văn

3.Nội dung: Đã tiến hành niêm yết công khai thuyết minh và số liệu quyết toán thu chi ngân sách và các khoản thu học phí, thu khác năm 2024 theo biểu mẫu số 04 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

4.Thời gian niêm yết: Từ ngày 12 tháng 03 năm 2025 đến hết ngày 12 tháng 06 năm 2025.

5.Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng, cổng thông tin điện tử Trường THCS Đức Giang

Biên bản lập xong vào hồi 8 giờ 10 ngày 12 tháng 03 năm 2025, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.


Hiệu trưởng
TRƯỞNG
TRUNG HỌC ĐỨC GIANG

Nguyễn Thị Soan

Người chứng kiến



Đàm Thị Tuyết

Ban TTND



Phạm Thị Bích Hồng

Người lập biên bản



Nguyễn Thị Vân Anh

Người chịu trách nhiệm niêm yết



Nguyễn Thị Hồng Hải

Đơn vị: TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG

Chương: 622

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC KHOẢN THU HỌC PHÍ, THU KHÁC NĂM 2024

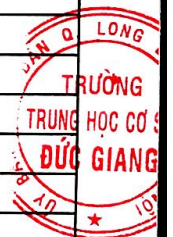
(Kèm theo Quyết định số /QĐ- THCSĐG ngày 12/ 03 /2025 của trường THCS Đức Giang)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	8,073	8,073	0	
1	Học phí	2,127	2,127		
	Thu Tiền học phí	2,127	2,127		
2	Các khoản thu khác	5,946	5,946	0	
	Thu Học thêm	2,070	2,070	0	
	Thu CSVC bán trú	46	46	0	
	Thu chăm sóc bán trú	542	542	0	
	Thu ăn bán trú	1,797	1,797	0	
	Thu học 2 buổi/ngày	939	939	0	
	Thu học TA Dreamsky	86	86	0	
	Thu học TA Toán	36	36		
	Thu quỹ Đội	19	19	0	
	Thu nước uống	120	120	0	
	Thu học TA Bình Minh	10	10	0	
	Sổ LLĐT	33	33	0	
	Phụ huynh ủng hộ	157	157	0	
	Tiền điện điều hòa	47	47		
	Trích CSBĐ BHYT HS	44	44		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	9,117	9,117	0	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và DN	9,117	9,117	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9,117	9,117	0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	
1	Lệ phí	0	0	0	
2	Phí	0	0	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6,644	6,644	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	6,443	6,443	0	
1	Chi quản lý hành chính	6,443	6,443	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6,443	6,443	0	
1.1.1	Tiền lương	2,657	2,657	0	
	Lương ngạch, bậc được duyệt	2,657	2,657	0	
1.1.2	Tiền công trả cho lao động theo hợp đồng	0	0	0	
	Tiền công khác	0	0	0	
1.1.2	Phụ cấp lương	1,254	1,254	0	
	Phụ cấp chức vụ	15	15	0	
	Phụ cấp thêm giờ	38	38	0	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	749	749	0	
	PC trách nhiệm nghề, công việc	20	20	0	
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, PC thâm niên nghề	418	418	0	
	Phụ cấp khác	14	14	0	
1.1.3	Phúc lợi tập thể	0	0	0	
	Chi khác	0	0	0	
1.1.4	Các khoản đóng góp	719	719	0	
	Bảo hiểm xã hội	517	517	0	
	Bảo hiểm y tế	95	95	0	
	Kinh phí công đoàn	60	60	0	
	Bảo hiểm thất nghiệp	31	31	0	
	Các khoản đóng góp khác	16	16		
1.1.5	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	0	0	
	Chi thu nhập tăng thêm	0	0	0	
1.1.6	Thanh toán dịch vụ công cộng	197	197	0	
	Thanh toán tiền điện	164	164	0	
	Tiền nước	23	23	0	
	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	10	10	0	
1.1.7	Vật tư văn phòng	107	107	0	
	Văn phòng phẩm	13	13	0	
	Mua sắm CCDCVP	43	43	0	
	Khoản văn phòng phẩm	32	32	0	
	Vật tư văn phòng khác	19	19	0	
1.1.8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	31	31	0	
	Cước phí điện thoại trong nước	1	1	0	
	Phim ảnh, sách, báo, tạp chí thư viện	8	8	0	
	Khác	22	22	0	
1.1.9	Hội nghị	0	0	0	
	Các khoản thuê mướn khác PVHN	0	0	0	
	Chi phí khác	0	0	0	
1.1.10	Công tác phí	7	7	0	
	Khoản công tác phí	7	7	0	
1.1.11	Chi phí thuê mướn	60	60	0	
	Thuê phương tiện vận chuyển	0	0	0	
	Thuê lao động trong nước	60	60	0	
	Chi phí khác	0	0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
1.1.12	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	121	121	0	
	Tài sản và thiết bị VP	121	121	0	
1.1.13	Mua sắm tài sản phục vụ công tác CM	53	53		
	Các thiết bị CNTT	53	53		
1.1.14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	77	77	0	
	Chi mua hàng hóa, vật tư	0	0	0	
	Đồng phục, trang phục	8	8	0	
	CP hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	0	0	0	
	Chi khác	69	69	0	
1.1.15	Mua sắm TS vô hình	14	14	0	
	Mua, bảo trì phần mềm CNTT	14	14	0	
1.1.16	Chi khác	1,146	1,146	0	
	Chi khoản phí, lệ phí	0	0	0	
	Cấp bù HP	1,079	1,079		
	Chi các khoản khác	67	67		
1.1.17	Chi lập các quỹ của đơn vị	0	0	0	
	Bổ sung thu nhập	0	0	0	
	Quỹ phúc lợi	0	0	0	
	Quỹ phát triển HDSN	0	0	0	
	Quỹ khen thưởng	0	0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	201	201	0	
	Tiền thưởng theo ND 73/2024	201	201		
C	Quyết toán chi Học phí	2,091	2,091	0	
1	Tiền lương	0	0	0	
	Lương ngạch, bậc được duyệt	0	0	0	
2	Tiền công trả cho vị trí lao động TX	0	0	0	
	Tiền công khác	0	0	0	
3	Phụ cấp lương	34	34	0	
	Phụ cấp chức vụ	0	0	0	
	Phụ cấp thêm giờ	14	14	0	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	0	0	0	
	PC trách nhiệm nghề, công việc	0	0	0	
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, PC thâm niên nghề	0	0	0	
	Phụ cấp khác	20	20		
4	Các khoản đóng góp	0	0	0	
	Bảo hiểm xã hội	0	0	0	
	Bảo hiểm y tế	0	0	0	
	Bảo hiểm thất nghiệp	0	0	0	
	KPCĐ	0	0	0	
	Các khoản đóng góp khác	0	0		
5	Thanh toán dịch vụ công cộng	14	14	0	
	Thanh toán tiền điện	11	11	0	
	Thanh toán tiền nước	3	3	0	
	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	0	0	0	



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
6	Vật tư văn phòng	81	81	0	
	Văn phòng phẩm	19	19	0	
	Khoán VPP	0	0	0	
	Vật tư văn phòng khác	62	62	0	
7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	17	17	0	
	Phim ảnh, sách, báo, tạp chí thư viện	17	17	0	
8	Hội nghị	11	11	0	
	Chi phí thuê mướn khác PV hội nghị	11	11	0	
	Chi khác	0	0	0	
9	Công tác phí	0	0	0	
	Khoán công tác phí	0	0	0	
10	Chi phí thuê mướn	277	277	0	
	Thuê lao động trong nước	269	269	0	
	Chi phí thuê mướn khác	8	8	0	
11	Sửa chữa TS	72	72	0	
	Các thiết bị CNTT	72	72	0	
	Đường điện, cấp thoát nước	0	0	0	
	Các tài sản và công trình khác	0	0	0	
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	300	300	0	
	Chi mua hàng hóa, vật tư	33	33	0	
	Chi chuyên ngành	1	1	0	
	Chi khác	266	266	0	
13	Mua sắm TS vô hình	0	0	0	
	Mua, bảo trì phần mềm CNTT	0	0	0	
14	Chi khác	597	597	0	
	Chi các khoản khác	597	597	0	
15	Chi lập các quỹ của đơn vị	688	688	0	
	Bổ sung thu nhập	380	380	0	
	Quỹ phúc lợi	204	204	0	
	Quỹ phát triển HDSN	104	104	0	
	Quỹ khen thưởng	0	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học CN	0	0	0	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp QG	0	0	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0	0	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và DN	0	0	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
9	thông tấn	0	0	0	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	
1.1	Dự án A	0	0	0	
1.2	Dự án B	0	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	
2.1	Dự án A	0	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0	0	
3.1	Dự án A	0	0	0	
3.2	Dự án B	0	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	
4.1	Dự án A	0	0	0	
4.2	Dự án B	0	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	
5.1	Dự án A	0	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	
6.1	Dự án A	0	0	0	
6.2	Dự án B	0	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	
7.1	Dự án A	0	0	0	
7.2	Dự án B	0	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	
8.1	Dự án A	0	0	0	
8.2	Dự án B	0	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	0	0	0	
9.1	Dự án A	0	0	0	
9.2	Dự án B	0	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
10.2	Dự án B	0	0	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	
1.1	Dự án A	0	0	0	
1.2	Dự án B	0	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	
2.1	Dự án A	0	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	
3.1	Dự án A	0	0	0	
3.2	Dự án B	0	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	
4.1	Dự án A	0	0	0	
4.2	Dự án B	0	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	
5.1	Dự án A	0	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	
6.1	Dự án A	0	0	0	
6.2	Dự án B	0	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	
7.1	Dự án A	0	0	0	
7.2	Dự án B	0	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	
8.1	Dự án A	0	0	0	
8.2	Dự án B	0	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	
9.1	Dự án A	0	0	0	
9.2	Dự án B	0	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	
10.1	Dự án A	0	0	0	
10.2	Dự án B	0	0	0	

Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hải

Đức Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2025



Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Soan